

Số: 627/TB-BV

Đại Lộc, ngày 25 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc mời chào giá các mặt hàng thuốc vị thuốc
cổ truyền đấu thầu tập trung cấp địa phương cho các cơ sở
y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm 2025-2026

Thực hiện theo Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 07/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc ban hành danh mục và giao nhiệm vụ mua sắm tập trung cấp địa phương đối với thuốc dùng cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm 2025 - 2026, Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam là đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương đối với thuốc Generic, chế phẩm y học cổ truyền và vị thuốc y học cổ truyền.

Hiện tại, Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam đang tiến hành xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu vị thuốc cổ truyền đấu thầu tập trung cấp địa phương cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm 2025-2026 và có nhu cầu tiếp nhận báo giá mua sắm các mặt hàng thuốc với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam (*Đơn vị mua sắm tập trung thuốc*);

Địa chỉ nhận báo giá: Phòng văn thư của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam, số 107 Quang Trung, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

+ Bà Hoàng Thị Lệ Năm: Số điện thoại 0988259713.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Các công ty tham gia báo giá, gửi báo giá trực tiếp **Phòng văn thư** hay gửi qua **bưu điện** đến địa chỉ nhận báo giá (*Phòng văn thư của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam, số 107 Quang Trung, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam*)

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ ngày đăng tải thành công Thông báo chào giá lên cổng thông tin điện tử của Bệnh viện đến trước 17h00 ngày 12/05/2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 150 ngày kể từ ngày Bệnh viện kết thúc nhận thư mời chào giá (12/05/2025)

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục các mặt hàng vị thuốc y học cổ truyền: Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp báo giá, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản hàng hóa như sau:

2.1 Địa điểm cung cấp báo giá: Phòng Văn thư, Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam. Địa chỉ 107 Quang Trung, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

2.2 Hàng hóa được giao mới 100%, chưa qua sử dụng, được bảo quản và đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

Giao hàng thành nhiều đợt, theo nhu cầu của đơn vị, thời gian cung ứng chậm nhất là 48 giờ sau khi nhận được dự trù của bên mua và đợt xuất trong 24 giờ

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Thanh toán 100% sau khi nghiệm thu, bàn giao hàng hóa và đúng theo thời gian đã ký trong hợp đồng kinh tế

5. Hồ sơ báo giá bao gồm:

5.1. Báo giá theo mẫu Phụ lục 2 đính kèm thông báo này, các công ty có thể tham gia chào giá 1 hay nhiều mặt hàng trong danh mục.

5.2. Các công ty, nhà sản xuất thuốc đính kèm các tài liệu có liên quan đến mặt hàng tham gia báo giá

5.3. Báo giá đựng trong một túi hồ sơ được niêm phong cẩn thận, bao gồm:

01 bản báo giá có chữ ký và đóng dấu đỏ của công ty hay nhà sản xuất thuốc; 1 USB chép các tài liệu liên quan đến nội dung báo giá

Ghi chú: Phía ngoài bì hồ sơ chào giá ghi rõ:

“Thư chào giá cung cấp các mặt hàng vị thuốc cổ truyền đấu thầu tập trung cấp địa phương cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm 2025-2026, không được mở trước 17h00 ngày 12/05/2025.”

Trong quá trình tham gia báo giá, mọi thắc mắc về các nội dung yêu cầu từ phía Bệnh viện, các công ty có thể liên hệ qua 2 thành viên trong Hội đồng xây dựng để nắm rõ các thông tin:

- Ds.CK1: Võ Văn Tiên - Khoa Dược Bệnh viện



+ Số điện thoại: 0905275001

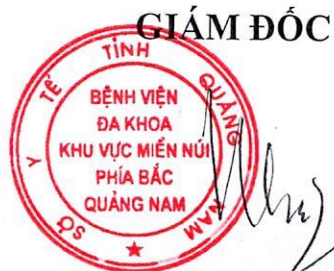
- Ds.CK1: Dương Thị Tường Vy - Khoa Dược Bệnh viện

+ Số điện thoại: 0987780802

Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý công ty, nhà sản xuất thuốc./.

Nơi nhận:

- Công ty, nhà sản xuất thuốc;
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, KD, TCKT.



Nguyễn Thống Nhất



PHỤ LỤC 1: DANH MỤC CHI TIẾT BÁO GIÁ CÁC MẶT HÀNG VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN ĐẦU THẦU TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM NĂM 2025-2026

(Ban hành kèm theo Thông báo số 624/TB-BV ngày 15/04/2025 của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam)

STT	STT HỖXĐ	STT TRONG DM - UB PHÊ DUYỆT	STT TT 05/2015/TT-BYT	Tên vị thuốc	Bộ phận dùng	Tên khoa học của vị thuốc	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Nguồn gốc	Phân nhóm kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	1	1	1	Bạch chỉ	Rễ	Radix Angelicae dahuricae	Angelica dahurica Benth. et Hook. f. - Apiaceae	Thái phiến	TCCS	N	2	Kg	2.270
2	2	2	4	Kinh giới	Toàn cây	Herba Elsholtziae ciliatae	Elsholtzia ciliata (Thunb.) Hyland. - Lamiaceae	Sao cháy tồn tinh	TCCS	N	2	Kg	473
3	3	3	6	Quế chi	Cành	Ramulus Cinnamomi	Cinnamomum sp. - Lauraceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	2.380
4	4	4	7	Sinh khương	Thân rễ	Rhizoma Zingiberis recens	Zingiber officinale Rosc. - Zingiberaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	130
5	5	5	8	Tân di	Búp hoa	Flos Magnoliae liliiflorae	Magnolia liliiflora Desr. - Magnoliaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	107
6	6	6	9	Tế tân	Rễ hoặc thân rễ	Radix et Rhizoma Asari	Asarum heterotropoides Fr. Schmidt - Aristolochiaceae	Thái phiến	TCCS	B	2	Kg	968
7	7	7	11	Tô diệp	Lá	Folium Perillae	Perilla frutescens (L.) Britt. - Lamiaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	94
8	8	8	14	Bạc hà	Toàn cây	Herba Menthae	Mentha arvensis L. - Lamiaceae	Sao qua	TCCS	N	2	Kg	28
9	9	9	15	Cát căn	Rễ	Radix Puerariae thomsonii	Pueraria thomsonii Benth. - Fabaceae	Sao vàng	TCCS	N	2	Kg	960
10	10	10	15	Cát căn	Rễ	Radix Puerariae thomsonii	Pueraria thomsonii Benth. - Fabaceae	Sao vàng	TCCS	B	2	Kg	50
11	11	11	17	Cúc hoa	Cụm hoa	Flos Chrysanthemi indici	Chrysanthemum indicum L. - Asteraceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	490
12	12	12	17	Cúc hoa	Cụm hoa	Flos Chrysanthemi indici	Chrysanthemum indicum L. - Asteraceae	Sao qua	TCCS	N	2	Kg	59
13	13	13	17	Cúc hoa	Hoa	Flos Chrysanthemi indici	Chrysanthemum indicum L. - Asteraceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	170
14	14	14	24	Mạn kinh tử	Quả	Fructus Viticis	Vitex trifolia L., - Verbenaceae V. rotundifolia L.f.	Sao vàng	TCCS	N	2	Kg	305

15	15	15	25	Ngưu bàng tử	Quả	Fructus Arctii lappae	Arctium lappa L. - Asteraceae	Sao vàng	TCCS	B	2	Kg	28
16	16	16	27	Sài hồ	Rễ	Radix Bupleuri	Bupleurum spp - Apiaceae	chích giảm	TCCS	B	2	Kg	565
17	17	17	27	Sài hồ	Rễ	Radix Bupleuri	Bupleurum spp - Apiaceae	phiến	TCCS	B	2	Kg	115
18	18	18	27	Sài hồ bắc	Rễ	Radix Bupleuri	Bupleurum spp. - Apiaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	367
19	19	19	28	Tang diệp	Lá	Folium Mori albae	Morus alba L. - Moraceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	45
20	20	20	29	Thăng ma	Thân rễ	Rhizoma Cimicifugae	Cimicifuga sp. - Ranunculaceae	Thái phiến	TCCS	B	2	Kg	360
21	21	21	33	Cà gai leo	Toàn cây	Herba Solani procumbens	Solanum procumbens Lour. - Solanaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	70
22	22	22	35	Dây đau xương	Thân	Caulis Tinosporae tomentosae	Tinospora tomentosa (Colebr) - Miers Menispermaceae (Colebr)	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	1.285
23	23	23	35	Dây đau xương	Thân và lá	Caulis Tinosporae tomentosae	Tinospora tomentosa (Colebr) - Miers Menispermaceae (Colebr)	Phiến	TCCS	N	2	Kg	909
24	24	24	37	Độc hoạt	Rễ	Radix Angelicae pubescentis	Angelica pubescens Maxim. - Apiaceae	Phiến	TCCS	B	2	Kg	3.591
25	25	25	39	Hy thiêm	Toàn cây	Herba Siegesbeckiae	Siegesbeckia orientalis L. - Asteraceae	Tẩm rượu	TCCS	N	2	Kg	200
26	26	26	39	Hy thiêm	Phần trên mặt đất	Herba Siegesbeckiae	Siegesbeckia orientalis L. - Asteraceae	sơ chế	TCCS	N	2	Kg	520
27	27	27	40	Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử)	Quả	Fructus Xanthii strumarii	Xanthium strumarium L. - Asteraceae	Sao cháy gai	TCCS	N	2	Kg	464
28	28	28	41	Khương hoạt	Rễ, thân rễ	Rhizoma et Radix Notopterygii	Notopterygium incisum C. Ting ex H. T. Chang - Apiaceae	Thái phiến	TCCS	B	2	Kg	1.742
29	29	29	44	Mộc qua	Quả	Fructus Chaenomeles speciosae	Chaenomeles speciosa (Sweet) Nakai - Rosaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	2.225
30	30	30	45	Ngũ gia bì chân chim	Vỏ thân, vỏ cánh	Cortex Schefflerae heptaphyllae	Schefflera heptaphylla (L.) Frodin - Araliaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	1.410
31	31	31	47	Phòng phong	Rễ	Radix Saposhnikovia divaricatae	Saposhnikovia divaricata (Turcz.) Schischk. - Apiaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	2.964
32	32	32	49	Tang chi	Cành	Ramulus Mori albae	Morus alba L. - Moraceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	480
33	34	34	49	Tang chi	Cành non	Ramulus Mori albae	Morus alba L. - Moraceae	Thái phiến	TCCS	N	2	Kg	50
34	35	35	50	Tang ký sinh	Toàn cây	Herba Loranthe gracilifolii	Loranthus gracilifolius Roxb. ex Shult. f. - Loranthaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	3.698
35	36	36	53	Tân giao	Rễ	Radix Gentianae macrophyllae	Gentiana macrophylla Pall. - Gentianaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	2.640

36	37	37	54	Thiên niên kiện	Thân rễ	Rhizoma Homalomenae	Homalomena occulta (Lour.) Schott - Araceae	Phiến	TCCS	N	2	Kg	2.691
37	38	38	56	Uy linh tiên	Rễ	Radix et Rhizoma Clematidis	Clematis chinensis Osbeck - Ranunculaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	1.315
38	39	39	58	Can khương	Thân rễ	Rhizoma Zingiberis	Zingiber officinale Rosc. - Zingiberaceae	Sao vàng	TCCS	N	2	Kg	513
39	40	40	60	Đại hồi	Quả	Fructus Illicij veri	Illicium verum Hook.f. - Illiciaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	40
40	42	42	62	Đinh hương	Nụ hoa	Flos Syzygii aromatici	Syzygium aromaticum (L.) Merrill et L.M. Perry - Myrtaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	2
41	43	43	63	Ngô thù du (ngô thù du chế)	Quả	Fructus Evodiae rutaecarpae	Evodia rutaecarpa (A. Juss) Hartley - Rutaceae	Chích cam thảo	TCCS	B	2	Kg	12
42	44	44	64	Thảo quả	Quả	Fructus Amomi aromatici	Amomum aromaticum Roxb. - Zingiberaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	34
43	46	46	67	Phụ tử chế (Hắc phụ, Bạch phụ)	Rễ	Radix Aconiti lateralis praeparata	Aconitum camichaeli Debx., Aconitum fortunei Hemsl. - Ranunculaceae	Chế Magnesi clorid; Chế muối	TCCS	N	2	Kg	88
44	49	49	68	Quế nhục	Vỏ thân	Cortex Cinnamomi	Cinnamomum spp. - Lauraceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	246
45	50	50	68	Quế nhục	Vỏ	Cortex Cinnamomi	Cinnamomum spp. - Lauraceae	Thái phiến	TCCS	N	2	Kg	146
46	51	51	69	Bạch biển đậu	Hạt	Semen Lablab	Lablab purpureus (L.) Sweet - Fabaceae	Sao vàng	TCCS	N	2	Kg	110
47	52	52	71	Hà diệp (Lá sen)	Lá	Folium Nelumbinis	Nelumbo nucifera Gaertn - Nelumbonaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	5
48	53	53	78	Bồ công anh	Toàn cây	Herba Lactucae indicae	Lactuca indica L. - Asteraceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	347
49	54	54	84	Diệp hạ châu	Toàn cây	Herba Phyllanthi urinariae	Phyllanthus urinaria L. - Euphorbiaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	32
50	55	55	88	Giáo cô lam	Thân lá	Herba Gynostemmae pentaphylli	Gynostemma pentaphyllum (Thunb.) Makino - Cucurbitaceae	Thân lá rửa sạch phơi khô	ĐBVN V hoặc TCCS	N	1	Kg	105
51	57	57	91	Kim ngân hoa	Hoa	Flos Lonicerae	Lonicera japonica Thunb. - Caprifoliaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	487
52	58	58	92	Liên kiều	Quả	Fructus Forsythiae	Forsythia suspensa (Thunb.) Vahl. - Oleaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	437
53	59	59	96	Sài đất	Toàn cây	Herba Wedeliae	Wedelia chinensis Merr. - Asteraceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	40
54	60	60	97	Thỏ phục linh	Thân rễ	Rhizoma Smilacis glabrae	Smilax glabra Roxb. - Smilacaceae	Phiến	TCCS	N	2	Kg	1.781
55	61	61	97	Thỏ phục linh	Thân rễ	Rhizoma Smilacis glabrae	Smilax glabra Roxb. - Smilacaceae	Thuốc phiến khô	TCCS	B	2	Kg	740
56	62	62	98	Trình nữ hoàng cung	Lá	Folium Crini latifolii	Crinum latifolium L. - Amaryllidaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	55
57	63	63	102	Chỉ tử	Quả	Fructus Gardeniae	Gardenia jasminoides Ellis. - Rubiaceae	Sao qua	TCCS	N	2	Kg	180

58	64	64	102	Chi tử	Quả	Fructus Gardeniae	Gardenia jasminoides Ellis. - Rubiaceae	sao qua	TCCS	B	2	Kg	32
59	65	65	104	Hạ khô thảo	Cụm hoa	Spica Prunellae	Prunella vulgaris L. - Lamiaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	47
60	67	67	106	Huyền sâm	Rễ	Radix Scrophulariae	Scrophularia huergeriana Miq. - Scrophulariaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	329
61	68	68	106	Huyền sâm	Củ	Radix Scrophulariae	Scrophularia buergeriana Miq. - Scrophulariaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	290
62	70	70	109	Tri mẫu	Thân rễ	Rhizoma Anemarrhenae	Anemarrhena asphodeloides Bge. - Liliaceae	Chích muối	TCCS	B	2	Kg	527
63	72	72	114	Hoàng bá	Vỏ thân và vỏ cành	Cortex Phellodendri	Phellodendron chinense Schneid. P. amurense Rupr. - Rutaceae	chích muối	TCCS	B	2	Kg	596
64	73	73	116	Hoàng cầm	Rễ	Radix Scutellariae	Scutellaria baicalensis Georgi - Lamiaceae	Sao đen	TCCS	B	2	Kg	175
65	74	74	116	Hoàng cầm	Rễ	Radix Scutellariae	Scutellaria baicalensis Georgi - Lamiaceae	Sao vàng	TCCS	B	2	Kg	250
66	75	75	118	Hoàng liên	Thân rễ	Rhizoma Coptidis	Coptis sp. - Ranunculaceae	Chích rượu	TCCS	B	2	Kg	223
67	76	76	119	Khổ sâm	Lá	Folium et Ramulus Crotonis tonkinensis	Croton tonkinensis Gagnep. - Euphorbiaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	25
68	77	77	120	Long đóm thảo	Rễ	Radix et Rhizoma Gentianae	Gentiana spp. - Gentianaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	10
69	79	79	124	Nhân trần	Toàn cây	Herba Adenosmatis caerulei	Adenosma caeruleum R.Br. - Scrophulariaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	184
70	80	80	124	Nhân trần	Phần trên mặt đất	Herba Adenosmatis caerulei	Adenosma caeruleum R.Br. - Scrophulariaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	10
71	81	81	130	Bạch mao căn	Thân rễ	Rhizoma Imperatae cylindrica	Imperata cylindrica (L.) P. Beauv. - Poaceae	Thái phiến	TCCS	N	2	Kg	115
72	82	82	131	Địa cốt bì	Vỏ rễ	Cortex Lycii chinensis	Lycium chinense Mill. - Solanaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	85
73	83	83	133	Mẫu đơn bì	Vỏ rễ	Cortex Paeoniae suffruticosae	Paeonia suffruticosa Andr. - Paeoniaceae	Sao vàng	TCCS	B	2	Kg	305
74	84	84	133	Mẫu đơn bì	Vỏ rễ	Cortex Paeoniae suffruticosae	Paeonia suffruticosa Andr. - Paeoniaceae	Thuốc phiến khô	TCCS	B	2	Kg	450
75	85	85	135	Sinh địa	Rễ	Radix Rehmanniae glutinosae	Rehmannia glutinosa (Gaertn.) Libosch. Scrophulariaceae	sơ chế	TCCS	B	2	Kg	815
76	86	86	135	Sinh địa	Rễ	Radix Rehmanniae glutinosae	Rehmannia glutinosa (Gaertn.) Libosch. - Scrophulariaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	657
77	87	87	136	Thiên hoa phấn	Rễ	Radix Trichosanthis	Trichosanthes kirilowii Maxim. - Cucurbitaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	22

78	88	88	137	Xích thước	Rễ	Radix Paeoniae	Paeonia veitchii Lynch. - Paeoniaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	1.322
79	89	89	139	Bạch phụ tử	Thân rễ	Rhizoma Typhonii gigantei	Typhonium giganteum Engl. - Araceae	Chế biến với muối ăn	TCCS	B	2	Kg	3
80	90	90	140	Bán hạ bắc	Thân rễ	Rhizoma Pinelliae	Pinellia ternata Thunb. Breit. - Araceae	tẩm gừng	TCCS	B	2	Kg	137
81	91	91	141	Bán hạ nam (Củ chóe)	Thân rễ	Rhizoma Typhonii trilobati	Typhonium trilobatum (L.) Schott. - Araceae	Chế gừng	TCCS	N	2	Kg	127
82	92	92	141	Bán hạ nam (Củ chóe)	Thân rễ	Rhizoma Typhonii trilobati	Typhonium trilobatum (L.) Schott. - Araceae	Tẩm phen chua	TCCS	N	2	Kg	40
83	93	93	145	Qua lâu nhân	Hạt	Semen Trichosanthis	Trichosanthes spp. - Cucurbitaceae	Sao	TCCS	B	2	Kg	5
84	94	94	151	Bách bộ	Rễ	Radix Stemonae tuberosae	Stemona tuberosa Lour. - Stemonaceae	Chích mật	TCCS	N	2	Kg	19
85	96	96	152	Bách hợp	Thân hành	Bulbus Lilii	Lilium brownii F.E. Brow. et Mill. - Liliaceae	tẩm mật	TCCS	B	2	Kg	7
86	97	97	156	Cát cánh	Rễ	Radix Platycodi grandiflori	Platycodon grandiflorum (Jacq.) A.DC. - Campanulaceae	Thái phiến	TCCS	B	2	Kg	299
87	98	98	156	Cát cánh	Rễ	Radix Platycodi grandiflori	Platycodon grandiflorum (Jacq.) A.DC. - Campanulaceae	Chích mật	TCCS	B	2	Kg	319
88	99	99	157	Hạnh nhân	Hạt	Semen Armeniaca amarum	Prunus armeniaca L. - Rosaceae	Sao vàng bỏ vỏ	TCCS	B	2	Kg	1132
89	100	100	159	Kha tử	Quả	Fructus Terminaliae chebulae	Terminalia chebula Retz. - Combretaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	79
90	102	102	163	Tiên hồ	Rễ	Radix Peucedani	Peucedanum spp. - Apiaceae	Chích mật	TCCS	B	2	Kg	88
91	103	103	164	Tô tử	Quả	Fructus Perillae frutescens	Perilla frutescens (L.) Britt. - Lamiaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	4
92	104	104	166	Tứ uyển	Rễ	Radix Asteris	Aster tataricus L.f. - Asteraceae	Thái phiến	TCCS	B	2	Kg	5
93	105	105	169	Bạch cương tàm	Con	Bombyx Botryticatus	Bombyx mori L. - Bombycidae	Sao cam	TCCS	N	2	Kg	5
94	106	106	170	Bạch tật lê	Quả	Fructus Tribuli terrestris	Tribulus terrestris L. - Zygophyllaceae	Sao vàng	TCCS	B	2	Kg	90
95	107	107	171	Câu đằng	Thân cành có gai	Ramulus cum unco Uncariae	Uncaria spp. - Rubiaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	715
96	108	108	173	Địa long	Toàn thân	Pheretima	Pheretima sp. - Megascolecidae	Tẩm rượu/Tẩm rượu gừng	TCCS	N	2	Kg	65
97	109	109	173	Địa long	Con	Pheretima	Pheretima sp. - Megascolecidae	Tẩm rượu gừng	TCCS	N	2	Kg	3
98	111	111	173	Địa long	Toàn thân	Pheretima	Pheretima sp. - Megascolecidae	Tẩm rượu gừng	TCCS	N	2	Kg	20
99	112	112	176	Thiên ma	Thân rễ	Rhizoma Gastrodiae elatae	Gastrodia elata B1. - Orchidaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	286

100	113	113	179	Bá tử nhân	Hạt	Semen Platycladi orientalis	Platycladus orientalis (L.) Franco - Cupressaceae	Sao vàng	TCCS	B	2	Kg	198
101	114	114	181	Lạc tiên	Toàn cây	Herba Passiflorae	Passiflora foetida L. - Passifloraceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	90
102	115	115	181	Lạc tiên	Phần trên mặt đất	Herba Passiflorae	Passiflora foetida L. - Passifloraceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	770
103	116	116	182	Liên tâm	Tâm	Embryo Nelumbinis nuciferae	Nelumbo nucifera Gaertn. - Nelumbonaceae	Sao qua	TCCS	N	2	Kg	490
104	117	117	183	Linh chi	Quả thể	Ganoderma	Ganoderma lucidum (Curtis & Fr.) P. Karst. - Ganodermataceae	Thái phiến	TCCS	N	2	Kg	50
105	118	118	184	Phục thần	Vỏ ngoài thân quả nấm	Poria	Poria cocos (Schw.) Wolf - Polyporaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	982
106	119	119	184	Phục thần	Vỏ ngoài thân vỏ nấm	Poria	Poria cocos (Schw.) Wolf. - Polyporaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	125
107	120	120	185	Táo nhân	Hạt	Semen Ziziphi mauritaniae	Ziziphus mauritiana Lamk. - Rhamnaceae	Sao đen	TCCS	B	2	Kg	2.054
108	121	121	187	Thảo quyết minh	Hạt	Semen Cassiae torae	Cassia tora L. - Fabaceae	Sao cháy	TCCS	N	2	Kg	2.668
109	122	122	189	Viên chí	Rễ	Radix Polygalae	Polygala spp. - Polygalaceae	Sao cám	TCCS	B	2	Kg	926
110	123	123	189	Viên chí	Rễ	Radix Polygalae	Polygala spp. - Polygalaceae	Chích cam thảo	TCCS	B	2	Kg	510
111	124	124	193	Thạch xương bồ	Thân rễ	Rhizoma Acori graminei	Acorus gramineus Soland. - Araceae	sao cám	TCCS	N	2	Kg	315
112	125	125	194	Chỉ thực	Quả	Fructus Aurantii immaturus	Citrus aurantium L., C. sinensis (L.) Osbeck - Rutaceae	Sao vàng	TCCS	N	2	Kg	230
113	126	126	195	Chỉ xác	Quả	Fructus Aurantii	Citrus aurantium L., C. sinensis (L.) Osbeck - Rutaceae	Thái phiến	TCCS	N	2	Kg	660
114	127	127	196	Hậu phác	Vỏ	Cortex Magnoliae officinali	Magnolia officinalis. var. biloba Rehd. & et Wilson -	Chích gừng	TCCS	B	2	Kg	320
115	128	128	198	Hương phụ	Thân rễ	Rhizoma Cyperi	Cyperus rotundus L. - Cyperaceae	Thái phiến	TCCS	N	2	Kg	508
116	129	129	198	Hương phụ	Thân rễ	Rhizoma Cyperi	Cyperus rotundus L. - Cyperaceae	Phức chế	TCCS	N	2	Kg	132
117	130	130	198	Hương phụ	Thân rễ	Rhizoma Cyperi	Cyperus rotundus L. - Cyperaceae	Tứ chế	TCCS	N	2	Kg	103
118	131	131	200	Mộc hương	Rễ	Radix Saussureae lappae	Saussurea lappa(DC.) C.C. Clarke. - Asteraceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	917
119	132	132	203	Ô dược	Rễ	Radix Linderae	Lindera aggregata (Sims.) Kosterm. - Lauraceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	350
120	133	133	203	Ô dược	Rễ	Radix Linderae	Lindera aggregata (Sims.) Kosterm. - Lauraceae	phiến	TCCS	N	2	Kg	400

121	135	135	205	Sa nhân	Quả	Fructus Amomi	Amomum spp. - Zingiberaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	563
122	136	136	205	Sa nhân	Hạt	Fructus Amomi	Amomum spp. - Zingiberaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	45
123	137	137	206	Thanh bì	Vỏ quýt	Pericarpium Citri reticulatae viridae	Citrus reticulata Blanco - Rutaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	80
124	138	138	208	Trần bì	Vỏ quả chín	Pericarpium Citri reticulatae perenne	Citrus reticulata Blanco - Rutaceae	Sao vàng	TCCS	N	2	Kg	1.449
125	139	139	208	Trần bì	Vỏ quả chín	Pericarpium Citri reticulatae perenne	Citrus reticulata Blanco - Rutaceae	Vì sao	TCCS	N	2	Kg	145
126	140	140	208	Trần bì	Vỏ quả chín	Pericarpium Citri reticulatae perenne	Citrus reticulata Blanco. - Rutaceae	Sao qua	TCCS	N	2	Kg	650
127	141	141	210	Cò xước (Ngưu tất nam)	Rễ	Radix Achyranthis asperae	Achyranthes aspera L. - Amaranthaceae	Thái phiến	TCCS	N	2	Kg	515
128	142	142	211	Đan sâm	Rễ	Radix Salviae miltiorrhizae	Salvia miltiorrhiza Bunge. - Lamiaceae	Thái phiến	TCCS	B	2	Kg	1.110
129	143	143	211	Đan sâm	Rễ	Radix Salviae miltiorrhizae	Salvia miltiorrhiza Bunge. - Lamiaceae	Chế biến với Rượu	TCCS	B	2	Kg	487
130	144	144	211	Đan sâm	Rễ	Radix Salviae miltiorrhizae	Salvia miltiorrhiza Bunge. - Lamiaceae	Chích rượu	TCCS	B	2	Kg	128
131	145	145	212	Đào nhân	Hạt	Semen Pruni	Prunus persica (L.) Batsh. - Rosaceae	Sao vàng	TCCS	B	2	Kg	1.093
132	146	146	213	Hồng hoa	Hoa	Flos Carthami tinctorii	Carthamus tinctorius L. - Asteraceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	759
133	147	147	214	Huyền hồ	Rễ củ	Tuber Corydalis	Corydalis yanhusuo W. T. Wang ex Z.Y. Su & C. Y. Wu - Fumariaceae	Chế giấm	TCCS	B	2	Kg	55
134	148	148	215	Huyết giác	Lõi gỗ	Lignum Dracaenae cambodiana	Dracaena cambodiana Pierre ex Gagnep. - Dracaenaceae	phiến	TCCS	N	2	Kg	135
135	149	149	216	Ích mẫu	Phân trên mặt đất	Herba Leonuri japonici	Leonurus japonicus Houtt. - Lamiaceae	sơ chế	TCCS	N	2	Kg	122
136	150	150	217	Kê huyết đằng	Thân cây	Caulis Spatholobi	Spatholobus suberectus Dunn. - Fabaceae	Thái phiến	TCCS	N	2	Kg	1.030
137	151	151	217	Kê huyết đằng	Dây của cây	Caulis Spatholobi	Spatholobus suberectus Dunn. - Fabaceae	Thuốc phiến khô	TCCS	B	2	Kg	340
138	152	152	218	Khương hoàng/Uất kim	Thân rễ	Rhizoma et Radix Curcumae longae	Curcuma longa L. - Zingiberaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	616
139	153	153	220	Nga truật	Thân rễ	Rhizoma Curcumae zedoariae	Curcuma zedoaria (Christon.) Roscoe - Zingiberaceae	Chế giấm	TCCS	N	2	Kg	35
140	154	154	221	Ngưu tất	Rễ	Radix Achyranthis bidentatae	Achyranthes bidentata Blume - Amaranthaceae	Chích rượu	TCCS	N	2	Kg	2.325

141	155	155	221	Ngưu tất	Rễ	Radix Achyranthis bidentatae	Achyranthes bidentata Blume. - Amaranthaceae	Phiến	TCCS	B	2	Kg	1.560
142	156	156	221	Ngưu tất	Rễ	Radix Achyranthis bidentatae	Achyranthes bidentata Blume - Amaranthaceae	Chích rượu	TCCS	B	2	Kg	10
143	157	157	225	Tô mộc	Gỗ lõi	Lignum sappan	Caesalpinia sappan L. - Fabaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	150
144	158	158	226	Xuyên khung	Thân rễ	Rhizoma Ligustici wallichii	Ligusticum wallichii Franch. - Apiaceae	Chích rượu	TCCS	N	2	Kg	440
145	159	159	226	Xuyên khung	Thân rễ	Rhizoma Ligustici wallichii	Ligusticum wallichii Franch. - Apiaceae	Chích rượu	TCCS	B	2	Kg	1.461
146	160	160	226	Xuyên khung	Thân rễ	Rhizoma Ligustici wallichii	Ligusticum wallichii Franch. - Apiaceae	Thái phiến	TCCS	B	2	Kg	1.395
147	161	161	226	Xuyên khung	Thân rễ	Rhizoma Ligustici wallichii	Ligusticum wallichii Franch. - Apiaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	1.110
148	162	162	228	Cỏ nhọ nồi	Toàn cây	Herba Ecliptae	Eclipta prostrata (L.) L. - Asteraceae	Phiến	TCCS	N	2	Kg	25
149	164	164	230	Hồ hoa	Nụ hoa	Flos Styphnolobii japonici	Styphnolobium japonicum (L.) Schott - Fabaceae	Sao vàng	TCCS	N	2	Kg	648
150	165	165	230	Hồ hoa	Hoa	Flos Styphnolobii japonici	Styphnolobium japonicum (L.) Schott - Fabaceae	Sao vàng	TCCS	N	2	Kg	113
151	166	166	232	Ngải cứu (Ngải diệp)	Toàn cây	Herba Artemisiae vulgaris	Artemisia vulgaris L. - Asteraceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	117
152	167	167	233	Tam thất	Rễ	Radix Panax notoginseng	Panax notoginseng (Burk.) F.H.Chen ex C.H.Chow.-Araliaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	60
153	168	168	235	Trắc bách diệp	Cành non và lá	Cacumen Platycladi	Stahliaanthus. orientalis (L.) Franco - Cupressaceae	sao cháy	TCCS	N	2	Kg	50
154	169	169	236	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	Thể quả nấm	Poria	Poria cocos F. A. Wolf - Polyporaceae	Thái phiến	TCCS	B	2	Kg	4.109
155	170	170	238	Cỏ ngọt	toàn cây	Herba Steviae	Stevia rebaudiaria Bertoni. - Asteraceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	85
156	173	173	244	Hoạt thạch	Bột	Talcum	Talcum	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	5
157	174	174	245	Kim tiền thảo	Toàn cây	Herba Desmodii styracifolii	Desmodium styracifolium (Osborne) Merr. - Fabaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	65
158	175	175	245	Kim tiền thảo	Phần trên mặt đất	Herba Desmodii styracifolii	Desmodium styracifolium (Osborne) Merr. - Fabaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	100
159	176	176	247	Mộc thông	Thân leo	Caulis Clematidis	Clematis armandii Franch. - Ranunculaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	5
160	178	178	254	Trạch tả	Thân rễ	Rhizoma Alismatis	Alisma plantago-aquatica L. var. orientale Sam.- Alismataceae	Sao vàng	TCCS	N	2	Kg	1.078



161	179	179	254	Trạch tả	Thân rễ	Rhizoma Alismatis	Alisma plantago-aquatica L. var. orientale (Sammuels) Juzep. - Alismataceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	130
162	180	180	256	Tỳ giải	Thân rễ	Rhizoma Dioscoreae	Dioscorea septembola Thunb., D. futschanensis Uline ex R.Kunth. D. tokoro Makino - Dioscoreaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	160
163	182	182	257	Xa tiền tử	Hạt	Semen Plantaginis	Plantago major L. - Plantaginaceae	Chích muối	TCCS	B	2	Kg	59
164	183	183	258	Ý dĩ	Hạt	Semen Coicis	Coix lachryma-jobi L. - Poaceae	Sao vàng với cám	TCCS	B	2	Kg	550
165	184	184	258	Ý dĩ	hạt	Semen Coicis	Coix lachryma-jobi L. - Poaceae	Sao vàng với cám	TCCS	N	2	Kg	559
166	185	185	262	Đại hoàng	Thân rễ	Rhizoma Rhei	Rheum palmatum L. - Polygonaceae	Chích rượu	TCCS	B	2	Kg	160
167	187	187	272	Kê nội kim	Lớp màng trong đã phơi hoặc sấy khô của mẹ con Gà	Endothelium Corneum Gigeriae Galli	Gallus gallus domesticus Brisson - Phasianidae	Sao	TCCS	N	2	Kg	92
168	188	188	273	Lá khôi	Lá	Folium Ardisiae	Ardisia sylvestris Pitard. - Myrsinaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	10
169	189	189	274	Lục thần khúc	Hỗn hợp	Massa medicata fermentata	Massa medicata fermentata	phức chế	TCCS	N	2	Kg	25
170	190	190	275	Mạch nha	Quả	Fructus Hordei germinatus	Hordeum vulgare L. - Poaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	160
171	191	191	276	Ồ tặc cốt	Mai	Os Sepiae	Sepia esculenta Hoyle - Sepiidae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	30
172	192	192	278	Sơn tra	Quả	Fructus Mali	Malus doumeri (Bois.) A. Chev. - Rosaceae	sơ chế	TCCS	N	2	Kg	1.045
173	193	193	278	Sơn tra	Quả	Fructus Mali	Malus doumeri (Bois.) A. Chev. - Rosaceae	Sao đen	TCCS	B	2	Kg	337
174	194	194	279	Thương truật	Thân rễ	Rhizoma Atractylodis	Atractylodes lancea (Thunb.) DC. - Asteraceae	Sao vàng	TCCS	B	2	Kg	1.170
175	195	195	279	Thương truật	Thân rễ	Rhizoma Atractylodis	Atractylodes lancea (Thunb.) DC. - Asteraceae	sao qua	TCCS	B	2	Kg	665
176	196	196	280	Khiếm thực	hạt	Semen Euryales	Euryales ferox Salisb. - Nymphaeaceae	Sao vàng	TCCS	B	2	Kg	120
177	197	197	281	Kim anh	Quả	Fructus Rosae laevigatae	Rosa laevigata Michx. - Rosaceae	Chích muối	TCCS	B	2	Kg	15
178	198	198	282	Liên nhục	Hạt	Semen Nelumbinis	Nelumbo nucifera Gaertn. - Nelumbonaceae	Sao vàng	TCCS	N	2	Kg	672
179	199	199	282	Liên nhục	Hạt	Semen Nelumbinis	Nelumbo nucifera Gaertn. - Nelumbonaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	385
180	200	200	285	Mẫu lệ	Vỏ hàu	Concha Ostreae	Ostrea gigas Thunberg. - Ostreidae	Mẫu lệ nung	TCCS	N	2	Kg	55

181	201	201	286	Ngũ vị tử	Quả	Fructus Schisandrae	Schisandra chinensis (Turcz.) K. Koch, Baill. - Schisandraceae	Chế giấm	TCCS	B	2	Kg	466
182	202	202	290	Sơn thù	Quả	Fructus Corni officinalis	Cornus officinalis Sieb. et Zucc. - Cornaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	706
183	203	203	290	Sơn thù	Quả	Fructus Corni officinalis	Cornus officinalis Sieb. et Zucc. - Cornaceae	Chung rượu	TCCS	B	2	Kg	423
184	204	204	290	Sơn thù (tứ sơn thù)	Quả	Fructus Corni officinalis	Cornus officinalis Sieb. et Zucc. - Cornaceae	chế rượu	TCCS	B	2	Kg	35
185	205	205	290	Sơn thù	Quả	Fructus Corni officinalis	Cornus officinalis Sieb. et Zucc. - Cornaceae	Chích rượu	TCCS	B	2	Kg	55
186	206	206	290	Sơn thù (tứ sơn thù)	Quả	Fructus Corni officinalis	Cornus officinalis Sieb. et Zucc. - Cornaceae	Tầm rượu chung	TCCS	B	2	Kg	35
187	208	208	294	Tô ngạnh	Cành và lá	Caulis Perillae	Perilla frutescens (L.) Britt. - Lamiaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	50
188	209	209	295	Bạch thược	Rễ	Radix Paeoniae lactiflorae	Paeonia lactiflora Pall. - Ranunculaceae	Sao	TCCS	B	2	Kg	1.689
189	210	210	295	Bạch thược	Rễ	Radix Paeoniae lactiflorae	Paeonia lactiflora Pall. - Ranunculaceae	Thái phiến	TCCS	B	2	Kg	1.625
190	211	211	295	Bạch thược	Rễ	Radix Paeoniae lactiflorae	Paeonia lactiflora Pall. - Ranunculaceae	Chích rượu	TCCS	B	2	Kg	1.000
191	212	212	296	Đương quy (Toàn quy)	Rễ	Radix Angelicae sinensis	Angelica sinensis (Oliv.) Diels - Apiaceae	Thái phiến	TCCS	B	2	Kg	3.435
192	213	213	296	Đương quy (Toàn quy)	Rễ	Radix Angelicae sinensis	Angelica sinensis (Oliv.) Diels - Apiaceae	Chích rượu	TCCS	B	2	Kg	1.060
193	214	214	297	Đương quy (đi thực)	Rễ	Radix Angelicae acutilobae	Angelica acutiloba (Sieb. et Zucc.) Kitagawa - Apiaceae	Chích rượu	TCCS	N	2	Kg	1.240
194	215	215	298	Hà thủ ô đỏ	Rễ	Radix Fallopiae multiflorae	Fallopia multiflora (Thunb.) Haraldson Syn. Polygonum multiflorum Thunb.) - Polygonaceae	Chế đậu đen	TCCS	N	2	Kg	820
195	216	216	298	Hà thủ ô đỏ	Rễ	Radix Fallopiae multiflorae	Fallopia multiflora (Thunb.) Haraldson Syn. Polygonum multiflorum Thunb.) - Polygonaceae	Chế nước đậu đen	TCCS	B	2	Kg	1.300
196	217	217	298	Hà thủ ô đỏ (Hà thủ ô đỏ chế)	Rễ (củ)	Radix Fallopiae multiflorae	Fallopia multiflora (Thunb.) Haraldson - Polygonaceae	Chế đậu đen	TCCS	N	2	Kg	660
197	218	218	298	Hà thủ ô đỏ	Rễ củ	Radix Fallopiae multiflorae	Fallopia multiflora (Thunb.) Haraldson - Polygonaceae	Chế dịch đậu đen	TCCS	N	2	Kg	320
198	220	220	299	Long nhãn	Cơm quả	Arillus Longan	Dimocarpus longan Lour. - Sapindaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	2.213
199	221	221	301	Thục địa	Rễ	Radix Rehmanniae glutinosae praeparata	Rehmannia glutinosa (Gaertn.) Libosch. Mey. - Scrophulariaceae	Chích rượu, gừng, sa nhân	TCCS	N	2	Kg	3.065



200	222	222	301	Thục địa	Rễ	Radix Rehmanniae glutinosae praeparata	Rehmannia glutinosa (Gaertn.) Libosch. - Scrophulariaceae	Chế biến với Rượu, Gừng, sa nhân	TCCS	N	2	Kg	1.075
201	223	223	303	Câu kỷ từ	Quả	Fructus Lycii	Lycium chinense Mill. - Solanaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	3.241
202	225	225	305	Mạch môn	Rễ	Radix Ophiopogonis japonici	Ophiopogon japonicus (L.f.) Ker-Gawl. - Asparagaceae	Sao vàng	TCCS	B	2	Kg	635
203	226	226	305	Mạch môn	Rễ	Radix Ophiopogonis japonici	Ophiopogon japonicus (L.f.) Ker Gawl. - Asparagaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	10
204	228	228	305	Mạch môn	Rễ	Radix Ophiopogonis japonici	Ophiopogon japonicus (L.f.) Ker Gawl. - Asparagaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	70
205	229	229	307	Ngọc trúc	Thân rễ	Rhizoma Polygonati odorati	Polygonatum odoratum (Mill.) Druce - Convallariaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	100
206	230	230	309	Sa sâm	Rễ	Radix Glehniae	Glehnia littoralis Fr. Schmidt ex Miq. - Apiaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	1.282
207	231	231	310	Thạch斛	Toàn cây	Herba Dendrobii	Dendrobium spp. - Orchidaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	60
208	233	233	311	Thiên môn đông	Rễ	Radix Asparagi cochinchinensis	Asparagus cochinchinensis (Lour.) Merr. - Asparagaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	227
209	234	234	312	Ba kích	Rễ	Radix Morindae officinalis	Morinda officinalis How. - Rubiaceae	Chích rượu	TCCS	N	2	Kg	785
210	235	235	312	Ba kích	Rễ	Radix Morindae officinalis	Morinda officinalis How. - Rubiaceae	Chích muối	TCCS	N	2	Kg	50
211	236	236	315	Cẩu tích	Thân rễ	Rhizoma Cibotii	Cibotium barometz (L.) J. Sm. - Dicksoniaceae	Chích rượu	TCCS	N	2	Kg	3.004
212	237	237	316	Cốt toái bổ	Thân rễ	Rhizoma Drynariae	Drynaria fortunei (Kuntze ex Mett.) J. Sm. - Polypodiaceae	Chích rượu	TCCS	N	2	Kg	2.533
213	238	238	317	Dâm dương hoắc	Toàn cây	Herba Epimedii	Epimedium brevicornum Maxim. - Berberidaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	55
214	239	239	319	Đỗ trọng	Vỏ thân	Cortex Eucommiae	Eucommia ulmoides Oliv. - Eucommiaceae	Chích muối	TCCS	B	2	Kg	1.405
215	240	240	319	Đỗ trọng	Vỏ thân	Cortex Eucommiae	Eucommia ulmoides Oliv. - Eucommiaceae	Chích rượu	TCCS	B	2	Kg	1.940
216	241	241	319	Đỗ trọng	Vỏ thân	Cortex Eucommiae	Eucommia ulmoides Oliv. - Eucommiaceae	Phiến	TCCS	B	2	Kg	842
217	243	243	321	Ích trí nhân	Quả	Fructus Alpiniae oxyphyllae	Alpinia oxyphylla Miq. - Zingiberaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	230
218	244	244	323	Nhục thung dung	Toàn cây	Herba Cistanches	Cistanche deserticola Y.C.Ma - Orobanchaceae	phiến	TCCS	B	2	Kg	240

219	246	246	324	Phá cổ chi (Bồ cốt chi)	Quả	Fructus Psoraleae corylifoliae	Psoralea corylifolia L. - Fabaceae	Chế muối	TCCS	B	2	Kg	370
220	247	247	327	Tục đoạn	Rễ	Radix Dipsaci	Dipsacus japonicus Miq. - Dipsacaceae	Chích muối	TCCS	N	2	Kg	1.821
221	248	248	327	Tục đoạn	Rễ	Radix Dipsaci	Dipsacus japonicus Miq. - Dipsacaceae	Thái phiến	TCCS	N	2	Kg	1.100
222	249	249	328	Bạch truật	Thân rễ	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	Atractylodes macrocephala Koidz. - Asteraceae	Chích rượu	TCCS	B	2	Kg	503
223	250	250	328	Bạch truật	Thân rễ	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	Atractylodes macrocephala Koidz. - Asteraceae	Thái phiến	TCCS	B	2	Kg	390
224	251	251	328	Bạch truật	Thân rễ	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	Atractylodes macrocephala Koidz. - Asteraceae	Sao Cắm mật ong	TCCS	B	2	Kg	2.220
225	252	252	329	Cam thảo	Rễ	Radix Glycyrrhizae	Glycyrrhiza spp. - Fabaceae	Chích mật	TCCS	B	2	Kg	1.459
226	253	253	329	Cam thảo	Rễ	Radix Glycyrrhizae	Glycyrrhiza spp. - Fabaceae	Thái phiến	TCCS	B	2	Kg	1.754
227	254	254	330	Đại táo	Quả	Fructus Ziziphi jujubae	Ziziphus jujuba Mill. var. inermis (Bunge) Rehd. - Rhamnaceae	Sơ chế	TCCS	B	2	Kg	6.426
228	255	255	331	Đảng sâm	Rễ	Radix Codonopsis	Codonopsis spp. - Campanulaceae	Sơ chế/Thái phiến	TCCS	B	2	Kg	2.240
229	256	256	331	Đảng sâm	Rễ	Radix Codonopsis	Codonopsis spp. - Campanulaceae	Chích gừng	TCCS	B	2	Kg	1.360
230	257	257	331	Đảng sâm	Rễ	Radix Codonopsis	Codonopsis spp. - Campanulaceae	Thái phiến	TCCS	B	2	Kg	2.521
231	258	258	332	Đỉnh lăng	Rễ	Radix Polysciacis	Polyscias fruticosa (L.) Harms - Araliaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	132
232	259	259	333	Hoài sơn	Rễ củ	Tuber Dioscoreae persimilis	Dioscorea persimilis Prain et Burkill - Dioscoreaceae	Sao cắm	TCCS	N	2	Kg	1.092
233	260	260	333	Hoài sơn	Rễ (củ)	Tuber Dioscoreae persimilis	Dioscorea persimilis Prain et Burkill - Dioscoreaceae	Sơ chế	TCCS	N	2	Kg	345
234	261	261	333	Hoài sơn	Rễ củ	Tuber Dioscoreae persimilis	Dioscorea persimilis Prain et Burkill - Dioscoreaceae	Thái phiến	TCCS	N	2	Kg	105
235	262	262	333	Hoài sơn	Củ	Tuber Dioscoreae persimilis	Dioscorea persimilis Prain et Burkill - Dioscoreaceae	Sao cắm	TCCS	N	2	Kg	422
236	263	263	334	Hoàng kỳ (Bách kỳ)	Rễ	Radix Astragali membranacei	Astragalus membranaceus (Fisch.) Bunge. var. mongholicus (Bunge) P.G. Xiao. - Fabacea	Chích mật ong	TCCS	B	2	Kg	5.228
237	264	264	339	Mã tiền	Hạt	Semen Strychni	Strychnos nux-vomica L. - Loganiaceae	Rán dầu vừng	TCCS	N	2	Kg	50
TỔNG CỘNG: 237 MẶT HÀNG													

115



PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ
(Ban hành kèm theo Thông báo số 624/TB-BV ngày 25/04/2025 của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam (Đơn vị mua sắm tập trung thuốc)

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam tại Thông báo số /TB-BV ngày / /2025, Công ty..... xin được báo giá các mặt hàng thuốc sau đây:

Báo giá cho các mặt hàng thuốc sau:

STT	STT trong danh mục mời chào giá	STT HDXD	STT TRONG DM - UB PHÊ DUYỆT	STT TT 05/2015/TT-BYT	Tên vị thuốc	Bộ phận dùng	Tên khoa học của vị thuốc	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Nguồn gốc	Phân nhóm kỹ thuật	Đơn vị tính	SDK/GPL H	Cơ sở sản xuất	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT) (VND)	Thành tiền (VND)	Tên nhà thầu báo giá
1																			
2																			
....																			
ông cộng:..... Khoản																			

Báo giá có hiệu lực trong vòng ngày, kể từ ngày ký báo giá (tối thiểu 150 ngày)

Chúng tôi cam kết:

Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc cái tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp
Giá trị của các mặt hàng tham gia báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

1/5